

Số: 32 /GPMT-UBND

Phú Thọ, ngày 02 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh Phú
Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “đầu tư
xây dựng đại lý kinh doanh và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô 3S - Toyota Phú Thọ” tại
đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
của Công ty cổ phần Anh Tuấn;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Anh Tuấn tại
Văn bản số 16/CV-AT ngày 18 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
140/TTr-STNMT ngày 28/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Anh Tuấn, có địa chỉ trụ sở chính tại
lô A, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án “đại lý kinh doanh và bảo
dưỡng, sửa chữa ô tô 3S - Toyota Phú Thọ” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: đại lý kinh doanh và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô 3S - Toyota
Phú Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu,
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8471485272 do Sở Kế
hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 19/10/2018.

1.4. Mã số thuế: 2300247957.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: bán buôn bán lẻ ô tô; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích đất thực hiện dự án 11.149m², gồm các công trình: nhà showroom ô tô, nhà gara sửa chữa và các công trình phụ trợ khác (hệ thống xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn, sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh,...) tại đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại của Luật Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Bán buôn bán lẻ ô tô: 2.200 chiếc/năm;

+ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô: 30.000 lượt xe/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Anh Tuấn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Anh Tuấn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Việt Trì;
- CVP, các PCVP;
- Công ty cổ phần Anh Tuấn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-14b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 04
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ xí tiêu của nhà vệ sinh khu vực showroom + văn phòng (vị trí 1).
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ xí tiêu của khu vực showroom + văn phòng (vị trí 2).
- Nguồn số 03: nước thải sinh hoạt từ xí tiêu của nhà vệ sinh khu xưởng dịch vụ.
- Nguồn số 04: nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa tay chân, rửa sàn của nhà vệ sinh khu vực showroom + văn phòng (vị trí 1).
- Nguồn số 05: nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa tay chân, rửa sàn của khu vực showroom + văn phòng (vị trí 2).
- Nguồn số 06: nước thải sinh hoạt phát sinh từ rửa tay chân, rửa sàn của nhà vệ sinh khu xưởng dịch vụ.
- Nguồn số 07: nước thải sinh hoạt từ bếp ăn.
- Nguồn số 08: nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe.
- Nguồn số 09: nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa xe.
- Nguồn số 10: nước thải phát sinh từ quá trình rửa súng sơn (thu gom như chất thải nguy hại).

2. Dòng nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

- 1 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: điểm xả nước thải vào mương thoát nước của thành phố tại đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2357554; Y: 569160 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: gián đoạn theo chu kỳ vận hành của hệ thống.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (C _{max})	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 - 9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	TSS	mg/l	100	
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
6	Sunfua	mg/l	0,5	
7	Amoni	mg/l	10	
8	Tổng N	mg/l	40	
9	Tổng P	mg/l	6	
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các xí tiểu (nguồn số 01, 02, 03) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 3 bể tự hoại trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn (nguồn số 04, 05, 06) được thu gom bằng đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn ca (nguồn số 07) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 1 bể tách dầu mỡ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe, rửa xe (nguồn số 08, 09) được thu gom, xử lý dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Các công trình xử lý nước thải:

- 3 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 55m^3).
- 1 bể tách dầu mỡ (thể tích $7,43\text{m}^3$).
- 1 bể tách dầu xe (thể tích $10,83\text{m}^3$).
- 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, gồm các bể có thể tích lần lượt: bể điều hòa ($32,51\text{m}^3$); bể thiếu khí ($10,06\text{m}^3$); bể hiếu khí ($32,04\text{m}^3$); bể lắng vi sinh ($15,48\text{m}^3$); bể khử trùng ($15,48\text{m}^3$); bể chứa bùn ($5,42\text{m}^3$).

b) Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

c) Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải {(nước thải từ các xí tiêu $\rightarrow$ bể tự hoại) + (nước thải bếp ăn $\rightarrow$ bể tách dầu mỡ) + (nước thải từ quá trình rửa xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô $\rightarrow$ bể tách dầu xe) + nước thải rửa tay chân, lau sàn} $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể thiếu khí $\rightarrow$ bể hiếu khí $\rightarrow$ bể lắng vi sinh $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ mương thoát nước chung của thành phố Việt Trì.

c) Hóa chất sử dụng: chế phẩm sinh học bôn cầu, PAC, Javen khử trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Trường hợp nước thải sau xử lý gặp sự cố phải dừng hoạt động xả nước thải và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Không phải vận hành thử nghiệm do công trình xử lý chất thải của cơ sở không thay đổi so với Giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận hoàn

thành công trình bảo vệ môi trường) theo quy định tại điểm h, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn số 1.
- Nguồn số 2: bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn số 2.
- Nguồn số 3: bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 1.
- Nguồn số 4: bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy số 2.
- Nguồn số 5: bụi phát sinh từ công đoạn mài, đánh bóng vỏ khung xe.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 1 dòng thải.

- Vị trí xả khí thải: tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn và sơn sấy, tọa độ X: 2357590; Y: 569200 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 99.000 m³/h.

- Phương thức xả khí thải: xả thải liên tục 24/24h trong quá trình sản xuất.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	06 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	-	
3	Benzen	mg/Nm ³	-	5	
4	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
5	Xylen	mg/Nm ³	-	870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ 2 buồng sơn và 2 buồng sơn sấy được thu gom

lọc sơ bộ qua tấm lọc bông sợi thủy tinh sau đó theo 4 đường ống dẫn nhánh kích thước BxH = (700 x 580)mm và đường ống tổng kích thước BxH = (750 x 1.100)mm được 4 quạt hút hút về 1 thiết bị hấp phụ than hoạt tính trước khi thoát ra ngoài qua 1 ống thoát khí.

- Bụi thải phát sinh từ công đoạn mài, đánh bóng vỏ khung xe được thu gom bằng các đầu hút theo đường ống dẫn nhánh D50 và đường ống tổng D80 dẫn về 2 thiết bị thu bụi trung tâm, không xả ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

a) Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn và sơn sấy:

- Các công trình xử lý khí thải:

+ 14 tấm lọc bông sợi thủy tinh (kích thước LxBxH = (6,3 x 0,75 x 0,03)m).

+ 1 đường ống dẫn nhánh từ buồng sơn số 1 (kích thước BxH = (700 x 580)mm; L = 13,16m).

+ 1 đường ống dẫn nhánh từ buồng sơn số 3 (kích thước BxH = (700 x 580)mm; L = 9,1m).

+ 2 đường ống dẫn nhánh từ buồng sơn sấy số 2, 4 (kích thước mỗi đường ống lần lượt BxH = (700 x 580)mm; L = 6,11m).

+ 3 quạt hút (công suất mỗi quạt hút 24.000 m³/giờ).

+ 1 quạt hút (công suất 27.000 m³/giờ).

+ 1 đường ống dẫn tổng (kích thước BxH = (750 x 1.100)mm; L = 6,9m).

+ 1 thiết bị hấp phụ than hoạt tính (kích thước LxBxH = (660 x 700 x 50)mm bên trong bố trí 3 miếng lọc than hoạt tính, mỗi miếng dày 15mm).

+ 1 ống thoát khí (kích thước LxBxH = (2 x 0,7 x 11,6)m).

- Tóm tắt quy trình xử lý khí thải:

+ Bụi, khí thải → tấm lọc bông sợi thủy tinh → ống dẫn nhánh → quạt hút → ống dẫn tổng → thiết bị hấp phụ than hoạt tính → ống thoát khí.

Yêu cầu các ống thoát khí phải có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu; có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải tại vị trí với đường kính hoặc độ rộng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

b) Thiết bị thu bụi khu vực mài, đánh bóng vỏ khung xe:

- 16 đầu hút bụi (đường kính 30mm).

- 16 đường ống nhánh (đường kính D50, L = 2,5m).

- 1 đường ống tổng (đường kính D80, L = 8m).
- 2 thiết bị thu bụi trung tâm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Định kỳ hằng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.
- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại bộ phận xảy ra sự cố, kiểm tra tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời sự cố tại hệ thống xử lý khí thải. Trường hợp xảy ra sự cố kéo dài: dừng hoạt động sản xuất, thông báo cho cơ quan chức năng về môi trường ở địa phương để được hướng dẫn giải quyết.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Không phải vận hành thử nghiệm do công trình xử lý chất thải của cơ sở không thay đổi so với Giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường) theo quy định tại điểm h, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32/GPMT-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung từ công đoạn lắp ráp sau sửa chữa ô tô.
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung từ công đoạn gia công nắn, gò khung vỏ, hàn ô tô.
- Nguồn số 03: tiếng ồn, độ rung từ công đoạn bả mài ô tô.
- Nguồn số 04: tiếng ồn, độ rung từ công đoạn đánh bóng ô tô.
- Nguồn số 05: tiếng ồn, độ rung từ công đoạn hoàn thiện, kiểm tra chạy thử ô tô.
- Nguồn số 06: tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Không tập trung, phân tán tại các khu vực có máy móc thiết bị sửa chữa, bảo dưỡng ô tô; máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu:

3.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung:

- Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trang bị phương tiện bảo hộ chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có cường độ tiếng ồn cao.

- Các máy móc tạo ra rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có lót cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.



PHU LUC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32/GPMT-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/tháng)
1	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	2.000
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	500
3	Bộ lọc dầu thải	Rắn	15 01 02	140
4	Bao bì cứng thải kim loại (vỏ hộp kim loại dính dầu, sơn, hóa chất)	Rắn	18 01 02	380
5	Bao bì cứng thải nhựa (vỏ hộp nhựa hoặc nion dính dầu, sơn hóa chất)	Rắn	18 01 03	400
6	Các thiết bị bộ phận có khả năng nổ (túi khí)	Rắn	15 01 05	50
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	2.000
8	Các loại pin, ắc quy khác	Rắn	19 06 05	50
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	12
10	Dung môi pha rửa thải	Lỏng	08 01 05	300
11	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải, các thiết bị điện khác có các linh kiện điện tử có thành phần nguy hại	Rắn	15 01 09	1.000
12	Chất thải từ quá trình bóc tách sơn hoặc vec ni có dung môi hữu cơ	Rắn	08 01 03	50
13	Sơn thải (sơn khô, cặn sơn, matit)	Rắn	08 01 01	100
14	Chất thải hữu cơ (dung môi rửa, pha sơn)	Lỏng	08 01 04	50
15	Phụ tùng đã qua sử dụng có chứa Amiang	Rắn	11 06 01	1
16	Nước làm mát lẫn dầu	Lỏng	19 07 01	55
17	Bùn lắng đọng rãnh, bể nước thải	Bùn	12 06 05	300
18	Dầu xăng thải	Lỏng	17 06 02	25
Tổng số				7.413

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm nilon, bìa carton, phim dán

kính, ống nhựa, dàn ghế da,... phát sinh khoảng 400kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa...), giấy, nilon từ khu vực văn phòng. Lượng chất thải rắn loại này phát sinh khoảng 12,87 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- 6 thùng dung tích 240 lít/thùng và 660 lít/thùng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải nguy hại theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ, phai màu.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu giữ: 2 khu vực lưu giữ diện tích 15m² và 29m².

- Thiết kế, cấu tạo: thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô, mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ, phai màu.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: không.

b) Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 17,5m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa có mái che kín, nền cứng bằng bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa:

- 5 thùng nhựa dung tích 50 lít/thùng; 10 thùng nhựa dung tích 250 lít/thùng.

b) Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 17,5m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa có mái che kín, nền cứng bằng bê tông.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

